

Số: 524../2023/EIB-TGD

Tp.HCM..... ngày...03...tháng...02...năm...2023

THÔNG BÁO
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành: Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam.
- Tên viết tắt: Eximbank
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (08) 38210056 Fax: (08) 38216913 Website: www.eximbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 12.355.229.040.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: **EIB**
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước
Số hiệu tài khoản: 111977
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 1992, cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 16 tháng 9 năm 2021.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác; Mã ngành: 6419
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn các tổ chức và cá nhân dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 11/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 4 năm 1992.

II. Phương án phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam.



2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.235.522.904 cổ phiếu.
4. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.229.432.904 cổ phiếu.
5. Số lượng cổ phiếu quỹ: 6.090.000 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: **245.886.580** cổ phiếu.
7. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: **2.458.865.800.000** đồng.
9. Tỷ lệ thực hiện quyền: 20%, tương đương tỷ lệ: **100:20** (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 20 cổ phiếu mới).
10. Nguồn vốn phát hành: nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.
11. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, toàn bộ số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Vào ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông A đang sở hữu 148 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ nhận được số lượng cổ phiếu tương ứng: $148 \times 20\% = 29,6$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, số lượng cổ phiếu để trả cổ tức mà cổ đông A nhận được là 29 cổ phiếu; số cổ phiếu lẻ thập phân là 0,6 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

12. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: 20/02/2023. *phanthe*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC *ML* *BT*



Trần Tấn Lộc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0301179079

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 07 năm 1992

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 16 tháng 09 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0988988977

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 12.355.229.040.000 đồng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.

Số chứng thực: 200292

Quyển số: 01/2023 SCT/BS

Bằng chữ: Mười hai nghìn ba trăm năm mươi lăm tỷ hai trăm chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng

Ngày 09 tháng 01 năm 2023

Mệnh giá cổ phần:

Tổng số cổ phần:

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN TẤN LỘC

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/06/1969 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C2103999

Ngày cấp: 01/08/2016 Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

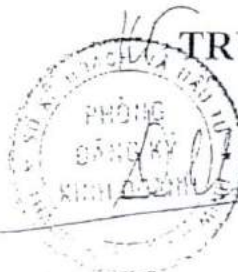
Địa chỉ thường trú: 216/1B Hòa Hưng, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 216/1B Hòa Hưng, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Giới tính: Nam

Huỳnh Hữu Huân



TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng

Cố Thành...

Số: 33.../2023/EIB/NQ-HĐQT

TP.HCM ngày 03 tháng 02 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2022;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Eximbank ngày 15/02/2022;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Eximbank ngày 27/05/2022;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Eximbank;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT nhiệm kỳ VII (2020-2025) phiên họp thứ 02 ngày 02/02/2023 – phần 1.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu như sau:
- Ngày đăng ký cuối cùng: 20/02/2023.
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 20%, tương đương tỷ lệ: 100:20 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 20 cổ phiếu mới).
- Điều 2.** Giao và ủy quyền Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nội dung trước đây trái với Nghị quyết này hết hiệu lực thực hiện.
- Điều 4.** Giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: Văn phòng HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lương Thị Cẩm Tú

Số: **306** /UBCK-QLCB
V/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu
để trả cổ tức của EIB

Hà Nội, ngày **18** tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Báo cáo số 8924/2022/EIB-TGD ngày 31/10/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Mã cổ phiếu: EIB – niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh). UBCKNN có ý kiến như sau:

1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập Tài liệu báo cáo chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của Tài liệu báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. UBCKNN đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 27/05/2022, Nghị quyết HĐQT số 342/2022/EIB/NQ-HĐQT ngày 19/08/2022, Công văn số 6381/NHNN-TTGSNH ngày 09/09/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật hiện hành.

3. UBCKNN chấp thuận việc tạm chốt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng ở mức 29,97043% vốn điều lệ theo phương án được HĐQT thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 497/2022/EIB/NQ-HĐQT ngày 20/12/2022 để đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. UBCKNN đề nghị Ngân hàng liên hệ với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để thực hiện điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.

4. UBCKNN đề nghị Ngân hàng thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

UBCKNN thông báo để Ngân hàng được biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- VSD;
- HSX;
- Vụ GSĐC;
- PTTT;
- Lưu: VT, QLCB (07b).

TL. CHỦ TỊCH
VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN



Bùi Hoàng Hải

Tp.HCM, ngày 27 tháng 5 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN EXIMBANK NĂM 2022**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định pháp luật liên quan;
- Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017 (“Luật Các TCTD”);
- Luật Chứng khoán 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Điều lệ”);
- Kết quả biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”);
- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 lần thứ hai,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 với các chỉ tiêu như sau:

DVT: Tỷ đồng

ST T	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018		%HTK H năm 2018	Kế hoạch 2019	
			Giá trị	% +/-so với 2017		Kế hoạch 2019	Tăng so với năm 2018 (%)
1	Tổng tài sản	178.000	152.652	2,2%	85,8%	181.000	18,6%
2	Huy động vốn	148.000	118.694	1,0%	80,2%	143.500	21%
3	Dư nợ cấp tín dụng*	113.560	104.118	2,7%	91,7%	115.570	11%
4	Tỷ lệ nợ xấu	< 3%	1,85%	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ năm 2017: 2,27%		< 2%	
5	Lợi nhuận trình ĐHĐCĐ (**)	1.600	1.731		108%		
6	Lợi nhuận trước thuế		827			1.077	30%

(*) Kế hoạch tăng trưởng tín dụng năm 2019 là 11% theo hạn mức tăng trưởng do Ngân hàng Nhà nước thông báo. Trong điều kiện kinh doanh thuận lợi, Eximbank sẽ xin phép Ngân hàng Nhà nước xem xét điều chỉnh tăng hạn mức tăng trưởng tín dụng.

(**) Lợi nhuận kế hoạch năm 2018 Eximbank trình Đại Hội đồng cổ đông, không bao gồm:

- Chi phí dự phòng rủi ro tiền gửi: khi lập kế hoạch năm 2018, ngân hàng chưa có được cơ sở pháp lý (phán quyết của Tòa Án) để đưa vào kế hoạch chi phí của năm.
- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng bổ sung đối với nợ đã bán cho VAMC theo Thông tư 08/2016/TT-NHNN. Do chi phí này chỉ có thể xác định được sau khi xác định được lợi nhuận vào cuối năm. Nếu lợi nhuận vượt kế hoạch do Ngân hàng Nhà nước phê duyệt thì phần vượt phải trích bổ sung cho nợ đã bán VAMC.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính năm 2018 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Tổng tài sản	152.652.063
2	Vốn chủ sở hữu	14.883.534
	Trong đó: Vốn điều lệ	12.355.229
3	Lợi nhuận trước thuế	827.128
4	Lợi nhuận sau thuế	660.590
	Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng lẻ	638.893

(Số liệu BCTC hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán)

Điều 3. Thông qua Trình bày về kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018 với các chỉ tiêu như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (đã bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tiền gửi: 390.375 triệu VND)		1.524.510	1.550.674
2	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (chưa tính phần trích lập DPRR bổ sung vào cuối năm theo Thông tư 08)		209.484	209.484
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khi trích lập DPRR bổ sung vào cuối năm theo Thông tư 08		1.315.026	1.341.190
4	Trích lập bổ sung chi phí dự phòng rủi ro theo Thông tư 08		514.062	514.062

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	A	800.964	827.128
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế suất 20%)	B	162.071	166.538
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	C=A-B	638.893	660.590
8	Trích lập các quỹ	D=E+F+G	140.834	143.514
8.1	Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	E=C*5% ^(*)	31.945	32.838
8.2	Trích Quỹ dự phòng tài chính (10%)	F=C*10% ^(*)	63.889	65.676
8.3	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế)	G	45.000	45.000
	Trong đó: - Quỹ khen thưởng		22.500	22.500
	- Quỹ phúc lợi		22.500	22.500
9	Lợi nhuận năm 2018 còn lại sau khi trích lập các quỹ	H=C-D	498.059	517.076
10	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2017	I	154.257	186.998
11	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2018	J=H+I	652.316	704.074

(*) Đối với BCTC hợp nhất, số trích lập quỹ bằng số trích lập của riêng Ngân hàng công với số trích lập của công ty con.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2018 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2019.

Điều 5. Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2018 và định hướng năm 2019.

Điều 6. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2019		%HTK H năm 2019	Kế hoạch 2020	
		Giá trị	% +/-so với 2018		Kế hoạch 2020	Tăng so với năm 2019 (%)
1	Tổng tài sản	167.538	9,8%	92,6%	176.000	5%
2	Huy động vốn	139.278	17,3%	97,1%	147.800	6%
3	Dư nợ cấp tín dụng	113.555	9,1%	98,3%	122.275	8%
4	Tỷ lệ nợ xấu	1,71%	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ năm 2018: 1,85%		< 2%	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.095	32,4%	101,6%	1.318	20%

Điều 7. Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Tổng tài sản	167.538.318
2	Vốn chủ sở hữu	15.749.313
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	12.355.229
3	Lợi nhuận trước thuế	1.095.249
4	Lợi nhuận sau thuế	866.132
	<i>Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng lẻ</i>	852.920

(Số liệu BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán)

Điều 8. Thông qua Tờ trình về kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2019 với các chỉ tiêu như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khi trích lập DPRR bổ sung vào cuối năm theo Thông tư 08		1.731.142	1.747.421
2	Trích lập bổ sung chi phí dự phòng rủi ro theo Thông tư 08		652.172	652.172
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	A	1.078.970	1.095.249
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế suất 20%)	B	226.050	229.117
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	C=A-B	852.920	866.132
6	Trích lập các quỹ	D=E+F+G	187.938	189.696
6.1	Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	E=C*5%	42.646	43.232 (*)
6.2	Trích Quỹ dự phòng tài chính (10%)	F=C*10%	85.292	86.464 (**)
6.3	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế)	G	60.000	60.000
	Trong đó:- Quỹ khen thưởng		30.000	30.000
	- Quỹ phúc lợi		30.000	30.000
7	Lợi nhuận năm 2019 còn lại sau khi trích lập các quỹ	H=C-D	664.982	676.436
8	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2018	I	652.316	704.074
9	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019	J=H+I	1.317.298	1.380.510

() Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hợp nhất = 5% Lợi nhuận sau thuế Ngân hàng + 5% Lợi nhuận sau thuế công ty con AMC.*

(**) Trích Quỹ dự phòng tài chính hợp nhất = 10% Lợi nhuận sau thuế Ngân hàng + 10% Lợi nhuận sau thuế công ty con AMC.

Điều 9. Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2019 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020.

Điều 10. Thông qua Tờ trình về tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2019.

- Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2019 là 2% lợi nhuận trước thuế hợp nhất nhưng không thấp hơn 15 tỷ đồng, bằng năm 2018.
- Ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2019 (bao gồm các chi phí thường xuyên phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị như chi phí đi công tác (kể cả chi phí xăng dầu), tiếp khách, cước điện thoại...; chi phí mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm trách nhiệm) là 7,5 tỷ đồng, bằng năm 2018.

Điều 11. Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động của BKS năm 2019 và nhiệm kỳ 2015 - 2020, định hướng hoạt động năm 2020.

Điều 12. Thông qua kinh phí hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát là 550 triệu đồng (gồm chi phí công tác (vé máy bay, tàu xe, lưu trú, xăng), chi phí hội thảo, hội nghị, giao tế, cước điện thoại, bảo hiểm sức khỏe...); và quỹ thù lao riêng cho Ban Kiểm soát năm 2019 bằng với quỹ thù lao riêng năm 2018 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt là 8 tỷ đồng (Tám tỷ đồng).

Điều 13. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2020		%HTKH năm 2020	Kế hoạch 2021	
		Giá trị	% +/-so với 2019		Kế hoạch 2021	Tăng so với năm 2020 (%)
1	Tổng tài sản	160.435	- 4,2%	91,2%	167.000	4,1%
2	Huy động vốn	133.918	- 3,8%	90,6%	139.500	4%
3	Dư nợ cấp tín dụng	102.018	- 10,2%	83,4%	115.790	13,5%
4	Tỷ lệ nợ xấu	2,52%	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ năm 2019: 1,71%		≤ 2,5%	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.340	22,3%	100,6%	1.300	

Điều 14. Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính năm 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
1	Tổng tài sản	160.435.177
2	Vốn chủ sở hữu	16.819.490
	Trong đó: Vốn điều lệ	12.355.229
3	Lợi nhuận trước thuế	1.339.526
4	Lợi nhuận sau thuế	1.070.181
	Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng lẻ	1.054.811

(Số liệu BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán)

Điều 15. Thông qua Tờ trình về kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 với các chỉ tiêu như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khi trích lập DPRR trái phiếu VAMC bổ sung vào thời điểm cuối năm		1.647.122	1.666.264
2	Trích lập bổ sung chi phí dự phòng rủi ro trái phiếu VAMC		326.738	326.738
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	A	1.320.384	1.339.526
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	B	265.573	269.345
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	C=A-B	1.054.811	1.070.181
6	Trích lập các quỹ	D=E+F+G	233.222	236.697
6.1	Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	E=C*5%	52.741	53.899 (*)
6.2	Trích Quỹ dự phòng tài chính (10%)	F=C*10%	105.481	107.798 (**)
6.3	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế)	G	75.000	75.000
	Trong đó:- Quỹ khen thưởng		37.500	37.500
	- Quỹ phúc lợi		37.500	37.500
7	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	H=C-D	821.589	833.484
8	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2020 (chưa bao gồm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 số tiền 45.000 triệu VND và năm 2019 số tiền 60.000 triệu VND do chưa được ĐHCĐ năm 2019, 2020 thông qua)		2.243.887	2.318.994

(*) Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hợp nhất = 5% Lợi nhuận sau thuế Ngân hàng + 5% Lợi nhuận sau thuế công ty con AMC. *h*

(**) Trích Quỹ dự phòng tài chính hợp nhất = 10% Lợi nhuận sau thuế Ngân hàng + 10% Lợi nhuận sau thuế công ty con AMC

Điều 16. Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021.

Điều 17. Thông qua Tờ trình tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2020.

- Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2020 là 2% lợi nhuận trước thuế hợp nhất nhưng không thấp hơn 15 tỷ đồng, bằng năm 2019.
- Ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2020 bao gồm chi phí đi công tác, chi phí xăng dầu, tiếp khách, cước điện thoại, chi phí mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm trách nhiệm là 7,5 tỷ đồng, bằng năm 2019.

Điều 18. Thông qua Tờ trình về tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2021. Cụ thể:

- Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2021 là 2% lợi nhuận trước thuế hợp nhất nhưng không thấp hơn 15 tỷ đồng.
- Ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2021 bao gồm chi phí đi công tác, chi phí xăng dầu, tiếp khách, cước điện thoại, chi phí mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm trách nhiệm là 7,5 tỷ đồng.

Điều 19. Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.

Điều 20. Thông qua kinh phí hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát là 600 triệu đồng, bao gồm chi phí công tác (vé máy bay, tàu xe, lưu trú, xăng dầu, taxi), chi phí hội thảo, hội nghị, tiếp khách, cước điện thoại, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm, báo chí, trang phục...; và quỹ thù lao riêng cho Ban Kiểm soát năm 2020 là 6,5 tỷ đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Điều 21. Thông qua kinh phí hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát là 600 triệu đồng, bao gồm chi phí công tác (vé máy bay, tàu xe, lưu trú, xăng dầu, taxi), chi phí hội thảo, hội nghị, tiếp khách, cước điện thoại, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm, báo chí, trang phục... và quỹ thù lao riêng cho Ban Kiểm soát năm 2021 là 6,5 tỷ đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Điều 22. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021		%HTKH năm 2021
			Giá trị	% +/-so với 2020	
1	Tổng tài sản	167.000	165.832	3,4%	99,3%
2	Huy động vốn TCKT + dân cư	139.500	137.374	2,6%	98,5%

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021		%HTKH năm 2021
			Giá trị	% +/-so với 2020	
3	Dư nợ cấp tín dụng (dư nợ cho vay + trái phiếu DN)	115.790	115.590	13,3%	99,8%
4	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng (nhóm 3 - nhóm 5)	≤ 2,5%	1,96%	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ năm 2020: 2,52%	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.300	1.205(*)	-10,0%	92,7%

(*): Trong năm 2021, Eximbank đã thực hiện trích lập bổ sung dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC 328 tỷ đồng để tất toán hết trái phiếu này trong Quý 1/2021.

Điều 23. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kế hoạch kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% Tăng/ giảm so với năm 2021
1	Tổng tài sản	165.832	179.000	7,9%
2	Huy động vốn TCKT + dân cư	137.374	147.600	7,4%
3	Dư nợ cấp tín dụng (dư nợ cho vay + trái phiếu DN)	115.590	127.149	10,0% (*)
4	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng (nhóm 3 - nhóm 5)	1,96%	≤ 1,7%	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.205	2.500	107,5%

(*) Đây là chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN thông báo. Trong điều kiện kinh doanh thuận lợi, Eximbank sẽ xin phép NHNN xem xét điều chỉnh hạn mức tăng trưởng tín dụng.

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền HĐQT chỉ đạo thực hiện và quyết định điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2022 phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến dịch Covid -19 và theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 24. Thông qua Tờ trình về việc Báo cáo tài chính hợp nhất, riêng lẻ đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, phương án chia cổ tức.

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất, riêng lẻ năm 2021 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Tổng tài sản	166.077.636
2	Vốn chủ sở hữu	17.750.682
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	12.355.229
3	Lợi nhuận trước thuế	1.260.049
4	Lợi nhuận sau thuế	1.021.083

- Báo cáo tài chính hợp nhất

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Tổng tài sản	165.831.996
2	Vốn chủ sở hữu	17.784.908
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	12.355.229
3	Lợi nhuận trước thuế	1.205.066
4	Lợi nhuận sau thuế	965.437

- ĐHĐCĐ thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Eximbank như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Hợp nhất
1	Lợi nhuận trước khi trích lập dự phòng bổ sung TP VAMC	A	1.533.322
2	Trích lập dự phòng bổ sung TP VAMC	B	328.256
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	C = A - B	1.205.066
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	D	239.629
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	E = C - D	965.437
6	Trích lập các quỹ	F = G + H + I	223.773
6.1	Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	G = E*5%	51.258
6.2	Trích Quỹ dự phòng tài chính (10%)	H = E*10%	102.515
6.3	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế)	I	70.000
	Trong đó: - Quỹ khen thưởng		35.000
	- Quỹ phúc lợi		35.000
7	Lợi nhuận còn lại của năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	E - F	741.664

(6.1) Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (BCTC hợp nhất) = 5% Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng + 5% Lợi nhuận sau thuế của công ty con AMC *bc*

(6.2) Trích Quỹ dự phòng tài chính (BCTC hợp nhất) = 10% Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng + 10% Lợi nhuận sau thuế của công ty con AMC.

- ĐHĐCĐ thông nhất thông qua Phương án chia cổ tức:

DVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Riêng
1	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2017 (đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 27/04/2018 thông qua)	A	154.257
2	Lợi nhuận còn lại của năm 2018 sau khi trích lập các quỹ	B	498.059
3	Lợi nhuận còn lại của năm 2019 sau khi trích lập các quỹ	C	664.982
4	Lợi nhuận còn lại của năm 2020 sau khi trích lập các quỹ	D	821.589
5	Lợi nhuận còn lại của năm 2021 sau khi trích lập các quỹ (*)	E	797.921
6	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	F = A + B + C + D + E	2.936.808
7	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	G	2.458.866
8	Tỷ lệ		20%
9	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi chia cổ tức (**)	H = F - G	477.942

(*) Lợi nhuận còn lại của năm 2021 sau khi trích lập các quỹ: 797.921 triệu đồng đã bao gồm lợi nhuận lũy kế đến hết năm 2019 điều chuyển từ công ty con về ngân hàng mẹ số tiền 63.211 triệu đồng.

(**) Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi chia cổ tức được giữ lại để củng cố và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng.

- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện điều chỉnh số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được thông qua nêu trên theo yêu cầu của các cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có).
- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 và thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.
- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện xây dựng phương án tăng vốn điều lệ phát hành cổ phần để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 (lợi nhuận sau thuế sau trích lập các quỹ) khi được các cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận.

Điều 25. Thông qua Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 để trả cổ tức bằng cổ phiếu.

- ĐHĐCĐ thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 (Phương án) của Eximbank với các nội dung cơ bản như nêu tại Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 để trả cổ tức bằng cổ phiếu và chi tiết tại Phương án đính kèm;
- ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Eximbank đối với nội dung liên quan đến vốn điều lệ sau phát hành theo Phương án đã thông qua và kết quả phát hành thực tế:

- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - o Quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 sau thuế, sau trích lập các quỹ chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án tăng vốn điều lệ năm 2022;
 - o Quyết định Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền chia cổ tức, sau khi có chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - o Quyết định việc tăng vốn điều lệ cụ thể trên cơ sở ý kiến chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kết quả phát hành thực tế;
 - o Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành cổ phiếu, đăng ký tập trung cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE), đăng ký vốn điều lệ của ngân hàng (tương ứng với số vốn thực tế tăng thêm sau khi phát hành) với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sửa đổi Điều lệ Eximbank (nội dung liên quan đến vốn điều lệ), hoàn tất các thủ tục sau khi tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật;
 - o Linh hoạt điều chỉnh và phân bổ nguồn tiền cho các mục đích sử dụng vốn đã nêu tại Phương án;
 - o Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ.

Điều 26. Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022.

Điều 27. Thông qua Ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2022 với số tiền là 7.500.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng) tương đương mức Ngân sách hoạt động các năm trước đây của HĐQT; và mức thù lao cố định cho HĐQT năm 2022 là 29.100.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ một trăm triệu đồng) (tương đương 1,455% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 theo kế hoạch đề ra).

Điều 28. Thông qua trường hợp Eximbank vượt chỉ tiêu lợi nhuận đề ra theo kế hoạch thì mức thù lao của HĐQT năm 2022 được bổ sung thêm số tiền là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

Điều 29. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022.

Điều 30. Thông qua kinh phí hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát là 2 tỷ đồng, bao gồm chi phí công tác, thuê chuyên gia, chi phí hội thảo, hội nghị, tiếp khách và các chi phí khác (bao gồm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm); và quỹ thù lao riêng cho Ban Kiểm soát năm 2022 là 8 tỷ đồng (Tám tỷ đồng).

Điều 31. Thông qua việc điều chỉnh thời hạn hoạt động của Eximbank tại Giấy phép hoạt động số 0011/NH-GP ngày 06/4/1992, cụ thể như sau:

- Thông qua thời hạn hoạt động của Eximbank là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày 06/4/1992.

- Giao Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Eximbank tổ chức triển khai các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận điều chỉnh thời hạn hoạt động tại Giấy phép hoạt động của Eximbank theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Thông qua Tờ trình về chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở chính Eximbank tại số 07 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 33. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/5/2022.

Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank./.

Nơi nhận:

- Như Điều 33;
- Các cổ đông;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN;
- SGDCK Tp.HCM;
- TTLKCK Tp.HCM;
- Lưu: VT, Văn phòng HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Lương Thị Cẩm Tú

Tp.HCM ngày 20 tháng 05 năm 2022

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**TỜ TRÌNH****VỀ PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022****ĐỂ TRẢ CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU**

Thực hiện định hướng chiến lược phát triển Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) đến năm 2025, nhằm nâng cao năng lực tài chính đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua phương án tăng vốn điều lệ (VDL) năm 2022 với một số nội dung như sau:

I. Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần);
- Tổng số lượng cổ phiếu (bao gồm cổ phiếu quỹ): 1.235.522.904 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 6.090.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.229.432.904 cổ phiếu;
- Mức VDL trước khi phát hành: 12.355.229.040.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 245.886.580 cổ phiếu;
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 2.458.865.800.000 đồng;
- Mức VDL dự kiến sau khi phát hành: 14.814.094.840.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi phát hành: 1.475.319.484 cổ phiếu;
- Đối tượng phát hành: Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Eximbank tại thời điểm chốt quyền được xác định theo thông báo về ngày chốt quyền của Eximbank đối với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ của các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021. Các cổ đông này được hưởng quyền theo quy định của pháp luật;
- Tỷ lệ phát hành: 20%. Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm phát hành sẽ được nhận số cổ phần mới là 20 cổ phần;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 lần thứ hai

1

- **Nguồn vốn thực hiện:** Từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ của các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021;
- **Thời gian thực hiện:** năm 2022, thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị huỷ bỏ. Ví dụ: cổ đông nắm giữ 148 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được nhận số cổ phần mới là 29 cổ phần.

2. Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm

Vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của Eximbank trên nguyên tắc đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông. Dự kiến sử dụng cho các lĩnh vực sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ: xây dựng trụ sở làm việc, mở rộng mạng lưới hoạt động, đầu tư công nghệ và tài sản cố định;
- Mở rộng hoạt động các hoạt động kinh doanh của Eximbank.

3. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nhận cổ phiếu phát hành thêm

- Các cổ đông nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Eximbank chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điều lệ của Eximbank và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm Tờ trình này.
- Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ được đối xử bình đẳng và được hưởng mọi quyền lợi của cổ đông Eximbank theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 (Phương án) của Eximbank với các nội dung cơ bản như nêu tại Tờ trình này và chi tiết tại Phương án đính kèm;
2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Eximbank đối với nội dung liên quan đến vốn điều lệ sau phát hành theo Phương án đã thông qua và kết quả phát hành thực tế;
3. Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 sau thuế, sau trích lập các quỹ chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án tăng vốn điều lệ năm 2022;
 - Quyết định Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền chia cổ tức, sau khi có chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Quyết định việc tăng vốn điều lệ cụ thể trên cơ sở ý kiến chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kết quả phát hành thực tế;

- Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành cổ phiếu, đăng ký tập trung cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE), đăng ký vốn điều lệ của ngân hàng (tương ứng với số vốn thực tế tăng thêm sau khi phát hành) với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sửa đổi Điều lệ Eximbank (nội dung liên quan đến vốn điều lệ), hoàn tất các thủ tục sau khi tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật;

- Linh hoạt điều chỉnh và phân bổ nguồn tiền cho các mục đích sử dụng vốn đã nêu tại Phương án;
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lương Thị Cẩm Tú

PHƯƠNG ÁN
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
ĐỂ TRẢ CỔ TỨC TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN NĂM
2017, 2018, 2019, 2020, 2021

A. MỤC ĐÍCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về cơ cấu lại ngành ngân hàng, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) định hướng chiến lược phát triển đến năm 2025 là ngân hàng phát triển bền vững và tăng năng lực tài chính.

Về khía cạnh quản lý rủi ro, Eximbank đã đáp ứng yêu cầu của NHNN về quản lý rủi ro theo Basel II. Trong thời gian qua Hệ số an toàn vốn hợp nhất của Eximbank luôn đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Một trong các trụ cột quan trọng của việc áp dụng Basel II là mức độ đủ vốn. Để đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện mức yêu cầu vốn nội bộ, Eximbank đã cơ bản hoàn thiện các yêu cầu của ICAAP và áp dụng chính thức theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN. Ngoài 3 rủi ro trọng yếu đã được đánh giá tại Trụ cột 1 khi tính Hệ số an toàn vốn là rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động thì Eximbank cần xác định và tính toán mức vốn bổ sung cho một số rủi ro trọng yếu khác như rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. Do đó, trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước liên tục diễn biến phức tạp, Eximbank rất cần phải bổ sung Vốn điều lệ (VDL) để đảm bảo an toàn hoạt động trong trường hợp có diễn biến bất lợi, đáp ứng kế hoạch kinh doanh và khẩu vị rủi ro, duy trì mục tiêu phát triển bền vững.

Ngoài ra VDL là chỉ số quan trọng trong xem xét, đánh giá cấu trúc vốn của các ngân hàng khi xem xét đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

Trong thời gian tới, Việc tăng quy mô VDL cũng sẽ tạo điều kiện để Eximbank mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, tiếp tục tăng trưởng tín dụng an toàn hiệu quả để hỗ trợ khách hàng, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh sau Covid-19, cũng như đầu tư cho các dự án chuyển đổi để nâng cao năng lực quản trị và hoạt động của ngân hàng đồng thời đảm bảo an toàn vốn, an toàn hoạt động của Eximbank.

Do đó, Eximbank cần phải tiếp tục thực hiện tăng VDL để từng bước hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.



B. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 và Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30/08/2019;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ Eximbank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Các văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán có liên quan đến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

C. NỘI DUNG

- **Tổ chức phát hành:** Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam;
- **Mã chức khoán:** EIB; niêm yết tại HOSE
- **Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông;
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần);
- **Tổng số lượng cổ phiếu** (bao gồm cổ phiếu quỹ): 1.235.522.904 cổ phiếu;
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 6.090.000 cổ phiếu;
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 1.229.432.904 cổ phiếu;
- **Mức VDL trước khi phát hành:** 12.355.229.040.000 đồng.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 245.886.580 cổ phiếu;
- **Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá:** 2.458.865.800.000 đồng;
- **Mức VDL dự kiến sau khi phát hành:** 14.814.094.840.000 đồng;
- **Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi phát hành:** 1.475.319.484 cổ phiếu;

Đối tượng phát hành: Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Eximbank tại thời điểm chốt quyền được xác định theo thông báo về ngày chốt quyền của Eximbank đối với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ của các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021. Các cổ đông này được hưởng quyền theo quy định của pháp luật;

- **Tỷ lệ phát hành:** 20% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm phát hành sẽ được nhận số cổ phần mới tối đa là 20 cổ phần);

- **Nguồn vốn thực hiện:** Từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ của các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021;

- **Thời gian thực hiện:** Năm 2022, thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền;

- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị huỷ bỏ.

Ví dụ: cổ đông nắm giữ 148 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được nhận số cổ phần mới là 29 cổ phần.

- **Lưu ký và niêm yết bổ sung:** Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.



D. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG THÊM, KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

1. Trình tự thủ tục, phương thức tiến hành tăng vốn

- Lấy ý kiến cổ đông thông qua phương án tăng vốn;
- HĐQT tiến hành các thủ tục cần thiết để có ý kiến chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Tiến hành việc tăng vốn sau khi được phê duyệt với các bước theo quy định;
- Tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung;
- Tiến hành thủ tục sửa đổi mức VDL tại Giấy phép;
- Đăng ký VDL mới tại Sở Kế hoạch & đầu tư TP. Hồ Chí Minh và thực hiện sửa đổi Điều lệ (điều khoản quy định về VDL), báo cáo/công bố thông tin theo quy định, thực hiện niêm yết bổ sung;
- Dự kiến hoàn tất việc tăng vốn trong năm 2022.

2. Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm

Vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của Eximbank trên nguyên tắc đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông. Dự kiến sử dụng cho các lĩnh vực sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ: xây dựng trụ sở làm việc, mở rộng mạng lưới hoạt động, đầu tư công nghệ và tài sản cố định;
- Mở rộng hoạt động kinh doanh của Eximbank.

3. Khả năng quản trị vốn sau khi tăng vốn điều lệ

- Quy mô VDL tăng lên đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của Eximbank cũng phải tăng lên tương ứng.

- Tính đến thời điểm hiện tại, HĐQT Eximbank gồm 7 thành viên có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, có tầm nhìn chiến lược. Các vấn đề trước khi quyết định đều được thảo luận một cách kỹ lưỡng, cân trọng trên cơ sở đồng thuận, biểu quyết theo đa số. Đây là một trong các yếu tố quyết định cho sự ổn định và bền vững trong hoạt động của Eximbank.

- Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ quản trị theo từng mảng hoạt động của Eximbank. Một số thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách, do đó, tiến độ giải quyết công việc nhanh, kịp thời và hiệu quả. HĐQT đóng vai trò xây dựng định

hướng chiến lược tổng thể và định hướng hoạt động lâu dài cho Eximbank, chỉ đạo xây dựng các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Ban Điều hành của Eximbank có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý điều hành, nắm bắt và thực thi đúng định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT. Ban Điều hành có nhiệm vụ cụ thể hóa chiến lược tổng thể và các mục tiêu được ngân hàng đề ra bằng các kế hoạch và phương án kinh doanh; tham mưu cho HĐQT các vấn đề về chiến lược, chính sách và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Eximbank.

- Ban Kiểm soát của Eximbank hiện có 3 thành viên. Việc kiểm soát tuân thủ được thực hiện bởi đội ngũ kiểm soát viên, đội ngũ nhân viên giám sát tuân thủ rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và kiểm toán nội bộ của Eximbank.

- Hệ thống công nghệ thông tin tại của Eximbank hiện đại, các quy trình quản lý được tin học hóa, nối mạng toàn hệ thống đáp ứng yêu cầu cao của công tác quản lý.

4. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

- Việc tăng VDL là cơ sở để Eximbank nâng cao năng lực tài chính phù hợp với quy mô kinh doanh, bảo đảm phát triển bền vững, đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành ngân hàng Việt Nam hiện nay, hỗ trợ cho Eximbank thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược kinh doanh trong những năm tới.

- Căn cứ vào kế hoạch tăng vốn và kế hoạch kinh doanh 2022, Eximbank dự kiến một số chỉ tiêu kinh doanh chính năm 2022 như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Kế hoạch 2022	%tăng trưởng
1	Tổng tài sản	165.832	179.000	7,9%
2	Huy động vốn ⁽ⁱ⁾	137.374	147.600	7,4%
3	Dư nợ tín dụng ⁽ⁱⁱ⁾	115.590	127.149	10,0%
4	Tỷ lệ nợ xấu	1,96%	<=1,7%	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.205	2.500	107,5%

(i) Bao gồm Tiền gửi Khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá.

(ii) Bao gồm Cho vay Khách hàng và Đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp.

Với kế hoạch kinh doanh nêu trên, dự kiến Eximbank sẽ tiếp tục đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.



PHỤ LỤC
NGUỒN VỐN THỰC HIỆN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	BCTC Riêng
1	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2017 (đã được ĐHĐCD thường niên năm 2018 ngày 27/04/2018 thông qua)	A	154.257
2	Lợi nhuận còn lại của năm 2018 sau khi trích lập các quỹ	B	498.059
3	Lợi nhuận còn lại của năm 2019 sau khi trích lập các quỹ	C	664.982
4	Lợi nhuận còn lại của năm 2020 sau khi trích lập các quỹ	D	821.589
5	Lợi nhuận còn lại của năm 2021 sau khi trích lập các quỹ (*)	E	797.921
6	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	F = A + B + C + D + E	2.936.808
7	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	G	2.458.866
8	Tỷ lệ		20%
9	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi chia cổ tức (**)	H = F - G	477.942

(*) Lợi nhuận còn lại của năm 2021 sau khi trích lập các quỹ: 797.921 triệu đồng đã bao gồm lợi nhuận lũy kế đến hết năm 2019 điều chuyển từ công ty con về ngân hàng mẹ số tiền 63.211 triệu đồng.

(**) Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi chia cổ tức được giữ lại để củng cố và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng.

PHỤ LỤC
THAY ĐỔI DỰ KIẾN VỀ CƠ CẤU SỞ HỮU

STT	Cổ đông (không bao gồm cổ phiếu quỹ)	Trước khi phát hành (Tính đến ngày 29/04/2022)		Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
				Phát hành 20%	Dự sau sau khi phát hành	
		Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Số CP	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn	185.329.207	15,07	37.065.841	222.395.048	15,07
2	Cổ đông nhà nước	62.375.308	5,07	12.475.061	74.850.369	5,07
3	Cổ đông khác	981.728.389	79,86	196.345.678	1.178.074.067	79,86
	TỔNG	1.229.432.904	100,00	245.886.580	1.475.319.484	100,00

Ghi chú: Thông tin cổ đông và cổ phần sở hữu trong phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

